KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO TỈNH THÁI NGUYÊN - KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Hữu Thu[1*], Lê Thị Phương[2]
[1]*Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh - ĐH Thái Nguyên*
[2]*Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật - ĐH Thái Nguyên*

TÓM TẮT

Việc triển khai hệ thống các chính sách xóa đói giảm nghèo trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và từng bước giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện, các chính sách cũng dần bộc lộ những bất cập đòi hỏi phải được hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn. Nội dung bài báo đã phân tích, đánh giá một cách nghiêm túc các chính sách đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh, từ đó rút ra 08 bài học kinh nghiệm và đề xuất 08 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả các chính sách giảm nghèo góp phần thực hiện thành công công cuộc giảm nghèo nhanh và bền vững ở tỉnh Thái Nguyên.

Từ khóa: *Chính sách, giảm nghèo, bài học kinh nghiệm, giải pháp.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Giảm nghèo là một chủ trương lớn đã được Đảng, Nhà nước kiên trì, nhất quán thực hiện trong nhiều năm qua và tỉnh Thái Nguyên đã và đang thực hiện khá thành công các chương trình giảm nghèo, nhờ đó tỷ lệ hộ nghèo đã giảm nhanh qua các năm từ 20,57% năm 2011 xuống còn 7,06% năm 2015 (Sở LĐTB&XH tỉnh Thái Nguyên, 2016). Mặc dù vậy cũng có nhiều mối quan ngại liên quan đến hiệu quả, chất lượng của việc thực thi các chính sách giảm nghèo; một số chương trình, chính sách giảm nghèo chưa đồng bộ, còn mang tính ngắn hạn, thiếu sự gắn kết chặt chẽ; việc tổ chức thực hiện mục tiêu giảm nghèo ở một số nơi chưa sâu sát (Phạm Bảo Dương, 2012). Ngoài ra, một bộ phận người nghèo còn tâm lý ỷ lại, chưa tích cực chủ động vươn lên thoát nghèo. Vì vậy, cần thiết phải có sự đánh giá các chính sách giảm nghèo trên nhiều khía cạnh để rút ra bài học kinh nghiệm cho công cuộc giảm nghèo của tỉnh Thái Nguyên.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Tình hình thực hiện chính sách về giảm nghèo

Trong những năm qua các chính sách giảm nghèo tiếp tục được UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo bố trí kinh phí để thực hiện hàng năm và đã phát huy tác dụng, hỗ trợ có hiệu quả cho hộ nghèo.

Chính sách hỗ trợ về y tế: trong 5 năm (2011-2015) đã thực hiện cấp 1.725.469 lượt thẻ BHYT cho người nghèo, cận nghèo và người dân tộc thiểu số với tổng kinh phí 959.348 triệu đồng. Công tác lập danh sách và cấp phát thẻ BHYT đã được phân cấp cho các huyện, thành, thị đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện và kịp thời phục vụ công tác khám chữa bệnh của người nghèo.

Chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi hộ nghèo: toàn tỉnh đã có 61.225 lượt hộ nghèo vay vốn, với tổng số tiền 1.392.702 triệu đồng, bình quân mức vay đạt gần 23 triệu đồng/hộ; số hộ còn dư nợ đến năm 2015 là 35.000 hộ với số tiền dư nợ là là 866.952 triệu đồng. Chính sách này đã tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước để cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo.

Chính sách về dạy nghề: số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề theo Đề án 1956 là 3.241 người với số tiền hỗ trợ là 21.300 triệu đồng, tỷ lệ người học nghề có việc làm sau đào tạo nghề đạt 75%, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đạt 58% và tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 38,5%.

[*] *Tel: 0984 792286, Email: huuthu.tueba@gmail.com*

Bảng 1: *Nguồn vốn thực hiện chính sách giảm nghèo giai đoạn 2011-2015*

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm					Cộng
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	**Chính sách hỗ trợ về y tế**							
-	Số người nghèo được cấp thẻ BHYT	Thẻ	338.608	326.035	362.791	349.689	359.000	1.725.469
-	Tổng kinh phí	Tr.đ	139.956	169.327	198.376	211.565	218.600	959.348
2	**Chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi**							
-	Số lượt hộ nghèo được vay vốn	Hộ	17.308	14.266	12.154	8.997	8.500	61.225
-	Tổng kinh phí	Trđ	300.590	280.573	262.947	256.192	292.400	1.392.702
3	**Chính sách dạy nghề**							
-	Số người nghèo được dạy nghề	Người	928	750	543	620	400	3.241
-	Tổng kinh phí	Trđ	3.900	5.100	4.600	4.200	3.500	21.300
4	**Chính sách khuyến nông, lâm, ngư và hỗ trợ phát triển SX**							
-	Số mô hình khuyến nông, lâm, ngư	M.hình		80		261		341
-	Số người được tập huấn	Người		13.112		12.530		25.642
-	Tổng kinh phí	Trđ		150.056		15.740		48.379
5	**Chính sách hỗ trợ về giáo dục**							
-	Tổng số người được hỗ trợ	Người	124.757	145.358	157.303	173.125	178.485	779.028
-	Tổng kinh phí thực hiện	Trđ	70.922	93.906	85.551	89.964	101.433	441.776

Nguồn: Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên

Bảng 2: *Nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2011-2015*

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm					Cộng
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	**Dự án hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng các thôn, xã đặc biệt khó khăn**	*Trđ*	31.031	143.743	61.463	73.076	120.432	429.745
-	Số công trình	C.trình	4	89	46	118		257
-	Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng	Trđ		54.000	59.055	54.000		167.055
-	Kinh phí Chương trình 135	Trđ	31.031	89.743	2.408	19.076	120.432	262.690
2	**Nhân rộng mô hình giảm nghèo**							
-	Số mô hình	M.hình	4	3	3	3	6	19
-	Kinh phí:	Trđ	1.584	958	720	790	1.658	5.710
3	**Các chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ giảm nghèo xóm ĐBKK có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống**	**Tr.đ**				**27.810**	**12.125**	**39.935**
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng	Tr.đ				25.500	500	26.000
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất	Trđ				2.310	11.625	13.935
	Tổng cộng							**475.390**

Nguồn: Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên

Chính sách Khuyến nông - lâm - ngư nghiệp: với các chương trình có nguồn vốn lồng ghép từ nguồn kinh phí của Trung ương, nguồn kinh phí địa phương đã triển khai xây dựng 341 mô hình khuyến nông phát triển sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, tập huấn khuyến nông, lâm, ngư nghiệp cho 25.642 lượt người tham dự, kinh phí thực hiện 48.379 triệu đồng. Đa số người dân đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông lâm ngư nghiệp ngày càng tốt hơn, tiếp cận các nguồn giống mới có chất lượng, chuyển đổi cây trồng vật nuôi phù hợp với các điều kiện cụ thể của gia đình.

Chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo: toàn tỉnh đã thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho 779.028 học sinh, sinh viên, trẻ em mẫu giáo thuộc hộ với tổng số tiền 441.776 triệu đồng. Chính sách hỗ trợ về giáo dục đào tạo đã phần nào hỗ trợ học sinh con hộ nghèo có điều kiện học tập tốt hơn, giảm bớt khó khăn cho gia đình và các em học sinh, từ đó nâng cao tỷ lệ đi học chuyên cần ở các xã vùng khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của tỉnh.

Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Tổng nguồn vốn đầu tư cho các chương trình xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh từ năm 2011 đến 2015 là 475.390 triệu đồng, trong đó nguồn vốn từ chương trình 135 giai đoạn II là 262.690 triệu đồng, chiếm tỷ lệ cao nhất 55,26%.

Chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất các xã và thôn bản đặc biệt khó khăn: số kinh phí đã cấp giai đoạn 2011-2015 là 429.745 triệu đồng, đầu tư xây dựng 257 công trình, góp phần thực hiện mục tiêu tăng cường cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh và dân sinh ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống của người dân, giảm nghèo nhanh và bền vững.

Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo: thực hiện xây dựng 19 mô hình giảm nghèo với 815 hộ nghèo tham gia, kinh phí thực hiện 5.710 triệu đồng. Các mô hình thực hiện chủ yếu như: nuôi cá chép giống, chăn nuôi gà và trồng lúa lai, lợn lai F1, lợn nái Móng Cái sinh sản... tại một số xã của huyện Định Hóa, Võ Nhai, Phổ Yên, Đại Từ, Phú Lương và Phú Bình. Thông qua các mô hình này giúp các cấp, các ngành và người nghèo biết được các cách làm hay, hiệu quả, biết phát huy sức mạnh tập thể và quan trọng hơn là người nghèo giúp nhau học tập, trao đổi kinh nghiệm để cùng vươn lên thoát nghèo.

Đề án phát triển kinh tế xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống (Đề án đặc thù của tỉnh): tổng kinh phí là 39.935 triệu đồng từ ngân sách tỉnh và đóng góp của các sở, ban, ngành, đoàn thể, nhân dân ở các huyện để thực hiện Đề án, cụ thể :

- Thực hiện hỗ trợ giống, phân bón cho đồng bào dân tộc Mông huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ trồng ngô vụ hè thu với diện tích 1.026 ha, kinh phí thực hiện là 13.935 triệu đồng.

- Xây dựng 2 nhà văn hóa và 15 tuyến đường giao thông, chiều dài trên 44 km đến các xóm, bản ngân sách tỉnh hỗ trợ là 26.000 triệu đồng.

Kết quả đạt được

Thái Nguyên là tỉnh thực hiện khá thành công trong công tác giảm nghèo. Sau 5 năm thực hiện các chính sách và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 - 2015 đã vượt mục tiêu đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm dần qua các năm, năm 2011 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 20,57%, đến năm 2015 giảm còn 7,06%, mỗi năm tỷ lệ hộ nghèo giảm khoảng 3%.

Bảng 3: *Tỷ lệ hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015*

Stt	Đơn vị	Tỷ lệ hộ nghèo (%)				
		2011	**2012**	**2013**	**2014**	**2015**
1	TP Thái Nguyên	4,53	3,61	2,60	1,76	1,38
2	TP Sông Công	10,30	6,10	4,19	3,58	3,08
3	TX Phổ Yên	17,00	12,64	7,00	5,48	4,62
4	Huyện Đồng Hỷ	22,88	19,45	13,51	10,82	8,16
5	Huyện Phú Bình	24,83	19,67	13,04	10,43	8,83
6	Huyện Phú Lương	21,99	17,30	12,18	9,53	7,14
7	Huyện Đại Từ	27,66	23,53	16,10	12,28	8,85
8	Huyện Định Hóa	33,98	28,01	22,72	18,94	15,75
9	Huyện Võ Nhai	43,20	36,69	28,30	21,98	15,89
	Toàn tỉnh	**20,57**	**16,69**	**11,60**	**9,06**	**7,06**

Nguồn: Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên

Bộ mặt nông thôn nói chung và các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn đã có sự thay đổi đáng kể, nhất là về hạ tầng cơ sở và phát triển sản xuất; đời sống của đại đa số người dân được nâng cao, đặc biệt là nhóm hộ nghèo đồng bào dân tộc ở miền núi, phụ nữ nghèo; không chỉ về thu nhập tăng, đời sống được cải thiện mà khía cạnh sức khỏe, đi lại, học hành cũng tiến bộ rõ rệt.

Bài học kinh nghiệm và giải pháp

Bài học kinh nghiệm

Trên cơ sở kết quả đạt được qua 5 năm (2011-2015) thực hiện chương trình giảm nghèo, cũng như những khó khăn, hạn chế cần khắc phục, rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, thường xuyên nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng cũng như phương pháp tiếp cận giải quyết vấn đề giảm nghèo cho các cấp, các ngành và mọi người dân. Công tác giảm nghèo không phải chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà là trách nhiệm của toàn xã hội.

Hai là, thống nhất về quan điểm chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh về thực hiện mục tiêu giảm nghèo giữa các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và các Đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở.

Ba là, xã hội hóa hoạt động giảm nghèo, đặc biệt là xã hội hóa về nguồn lực. Nguồn lực của Nhà nước đóng vai trò quan trọng, hỗ trợ, còn nguồn lực chính phải huy động từ bản thân người nghèo, cộng đồng xã hội. Sự hợp lực này sẽ tạo ra một phong trào giảm nghèo sôi động.

Bốn là, việc phân cấp cho cấp xã trong quá trình thực hiện chương trình phải đi đôi với nâng cao năng lực đội ngũ cơ sở, thực hiện dân chủ, tăng cường sự giám sát của người dân thông qua hệ thống ủy ban mặt trận tổ quốc các cấp.

Năm là, phải thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá toàn diện hơn để nâng cao hiệu quả của chương trình, hệ thống theo dõi, giám sát được thực hiện từ cấp tỉnh đến cấp thôn, xóm để cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, làm cơ sở cho việc thực hiện các chính sách, giải pháp phù hợp hơn.

Sáu là, tổ chức lồng ghép các chương trình kinh tế - xã hội cùng hỗ trợ cho chương trình giảm nghèo. Việc lồng ghép và đầu tư tập trung cho một số xã nghèo nhất, khó khăn nhất để nâng dần khả năng phát triển kinh tế - xã hội, có tác động tích cực đến giảm nghèo nhanh và bền vững.

Bảy là, công tác giải ngân nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi phải được gắn liền với việc phát huy cao nhất hiệu quả đồng vốn, gắn với công tác tập huấn khuyến nông - lâm - ngư, đào tạo nghề, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm làm ăn cho hộ nghèo. Thực tế cho thấy, sự giúp đỡ lẫn nhau tại cộng đồng là rất quan trọng, đưa lại hiệu quả cao và rất thiết thực.

Tám là, trong tổ chức chỉ đạo thực hiện chương trình giảm nghèo cần phải có sự phối kết hợp hoạt động đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể tạo thành phong trào hành động cách mạng sâu rộng trong xã hội, huy động sức mạnh tổng hợp, tạo nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

Giải pháp cụ thể

Một là, hỗ trợ về y tế cho các hộ nghèo: Tiếp tục hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế cho hộ nghèo dưới hình thức mua thẻ bảo hiểm y tế. Củng cố mạng lưới y tế cơ sở, bởi tuyến y tế cơ sở đóng vai trò quan trọng trong cải thiện cơ hội khám chữa bệnh cho người nghèo. Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cũng như nâng cao năng lực cho cán bộ y tế cơ sở (tuyến huyện và xã).

Hai là, tiếp tục thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, đa dạng hóa các nguồn cung cấp tín dụng, đổi mới cơ chế, thủ tục để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vay vốn của các hộ nghèo, bảo đảm nguồn vốn tín dụng theo chương trình, vừa đi đôi tăng trưởng tín dụng, vừa coi trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả tín dụng. Cung cấp các khoản vay có số lượng, lãi suất, thời hạn và điều kiện tiếp cận phù hợp có thể thúc đẩy sản xuất phát triển, làm tăng thu nhập của hộ.

Ba là, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo: Thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn, nhất là lao động nghèo; Các địa phương, đoàn thể vận động doanh nghiệp bảo trợ, nhận người nghèo vào làm việc để có thu nhập ổn định. Tạo điều kiện hỗ trợ xuất khẩu lao động đối với lao động nghèo có nhu cầu.

Bốn là, hỗ trợ giáo dục cho người nghèo: Rào cản lớn nhất hiện nay đối với người nghèo trong tiếp cận giáo dục chính là gánh nặng chi phí. Vì vậy, cần tiếp tục hỗ trợ giáo dục cho người nghèo dưới hình thức miễn giảm học phí, cấp sách giáo khoa, đồ dùng học tập.... Tuy nhiên, hiện nay nguồn vốn ngân sách nhà nước có hạn, mức hỗ trợ thấp. Vì vậy cần có kế hoạch huy động nguồn lực từ các bên cũng như có kế hoạch phân bổ nguồn lực một cách hợp lý.

Năm là, thực hiện tốt dự án hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng các thôn, xã đặc biệt khó khăn: đầu tư cơ sở hạ tầng là một giải pháp quan trọng để giảm sự cách biệt về địa lý điều đó cũng có nghĩa là các xã nghèo sẽ có cơ hội nhiều hơn để cải thiện thu nhập cũng như tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Để hoàn thiện chính sách này cần tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện chính sách; huy động và phân bổ có hiệu quả nguồn lực thực hiện chính sách.

Sáu là, hỗ trợ phát triển sản xuất: Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công giúp người nghèo tiếp cận các dịch vụ và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất mới.

Bảy là, thực hiện nhân rộng mô hình xóa đói giảm nghèo: Xây dựng các mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình giảm nghèo để tạo điều kiện nâng cao năng lực sản xuất cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận, học hỏi và áp dụng phương cách phát triển kinh tế hiệu quả, tiến tới phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn, từ đó nhân rộng mô hình ra các địa phương khác.

Tám là, thực hiện hiệu quả dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình: Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo của các cấp từ huyện đến thôn bản, khu phố và cán bộ một số hội đoàn thể và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng nghiệp vụ, kinh nghiệm để triển khai thực hiện tốt công tác giảm nghèo; Phối hợp tổ chức lồng ghép với các chương trình khác có liên quan để tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp tại cơ sở nhằm thực hiện đối thoại chính sách, xác định nhu cầu và năng lực tham gia của người dân.

KẾT LUẬN

Trong nhiều năm qua tỉnh Thái Nguyên đã và đang thực hiện khá thành công các chương trình giảm nghèo trên địa bàn. Tỷ lệ hộ nghèo từ năm 2011 đến năm 2015 giảm bình quân hàng năm là 3%. Việc tiếp tục hoàn thiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo để phù hợp với điều kiện đặc thù nhằm thúc đẩy công cuộc giảm nghèo ở Thái Nguyên có những bước tiến triển mới là rất cần thiết. Bài viết này tập trung đánh giá tình hình thực hiện các chính sách về giảm nghèo như chính sách giáo dục đào tạo, y tế, dạy nghề, giải quyết việc làm, vay vốn tín dụng ưu đãi. Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững như: Chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất các xã và thôn bản đặc biệt khó khăn, dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo. Từ thực tiễn triển khai, bài viết đã rút ra 08 bài học kinh nghiệm và đề xuất 08 giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả các chính sách giảm nghèo với mục tiêu thúc đẩy tiến trình giảm nghèo nhanh, bền vững ở Thái Nguyên trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động - Thương binh và XH (2015), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2011-2015 và định hướng xây dựng các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020.*

2. Chính phủ (2011), *Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020.*

3. Phạm Bảo Dương (2012), *Đổi mới cơ chế thực hiện các chương trình đầu tư công cho giảm nghèo: Trường hợp nghiên cứu tại Hà Giang*, Tạp chí Khoa học và Phát triển, tập 10, số 2, trang 380-387.

4. Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên (2016), *Báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo giai đoạn 2011-2015.*

5. UBND tỉnh Thái Nguyên (2016), *Báo cáo tổng kết kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015*.

SUMMARY

RESULT OF POLICY APPLICATION ON POVERTY REDUCTION IN THAI NGUYEN: EXPERIENCE AND SOLUTIONS

Nguyen Huu Thu[1*], Le Thi Phuong[2]

[1]University of Economics and Business Administration - TNU

[2] College of Economics and Technology - TNU

Application of policies on poverty reduction in Thai Nguyen in the last few years has resulted in economic development, social security, poverty reduction for ethnic people in the province. However, besides the results achieved during the implementation, the policy has gradually revealed the inadequacies which required improvement to conform to reality. In this paper, inadequacy issues of the policies which are applied in Thai Nguyen were analyzed and evaluated. From that analysis, 8 experiences and 8 solutions were drawn in order to improve policy application on poverty reduction in Thai Nguyen sustainablly.

Key words: *results, policy, poverty reduction, experience, solution.*

Ngày nhận bài: 30/8/2016; Ngày phản biện: 15/9/2016; Ngày duyệt đăng: 31/3/2017

[*] *Tel: 0984 792286, Email: huuthu.tueba@gmail.com*